

**Hội thảo Bảo tồn Cu li nhỏ (*Nycticebus pygmaeus*)**

**Giới thiệu về CITES và Danh sách Linh  
trưởng ở Việt Nam**

**Thái Truyền - Cơ quan Quản lý CITES Việt Nam**

***VQG Cát Tiên, ngày 01 tháng 8 năm 2015***

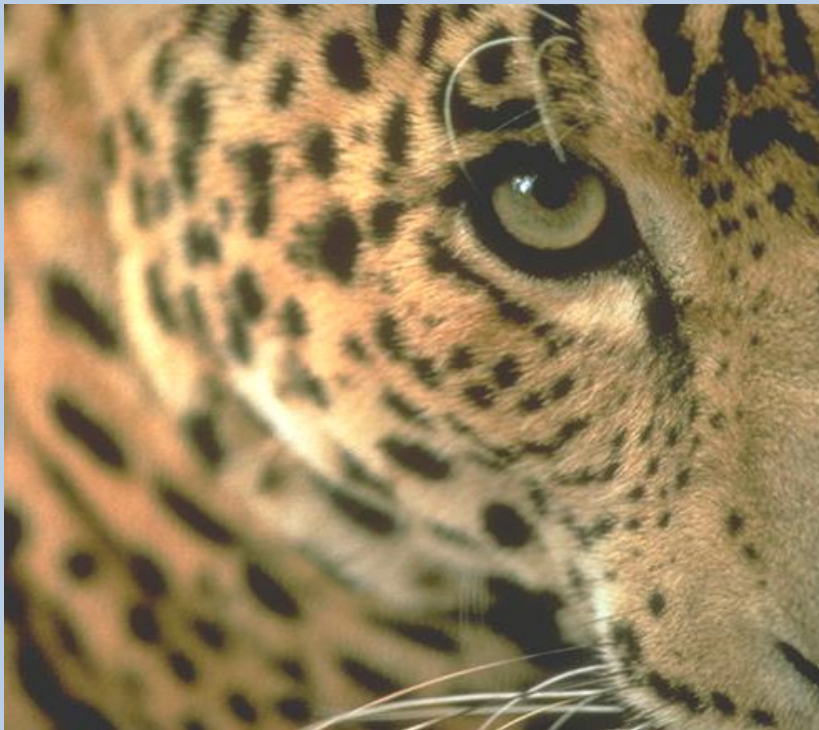
# Công ước CITES

© TRAFFIC Southeast Asia 2011





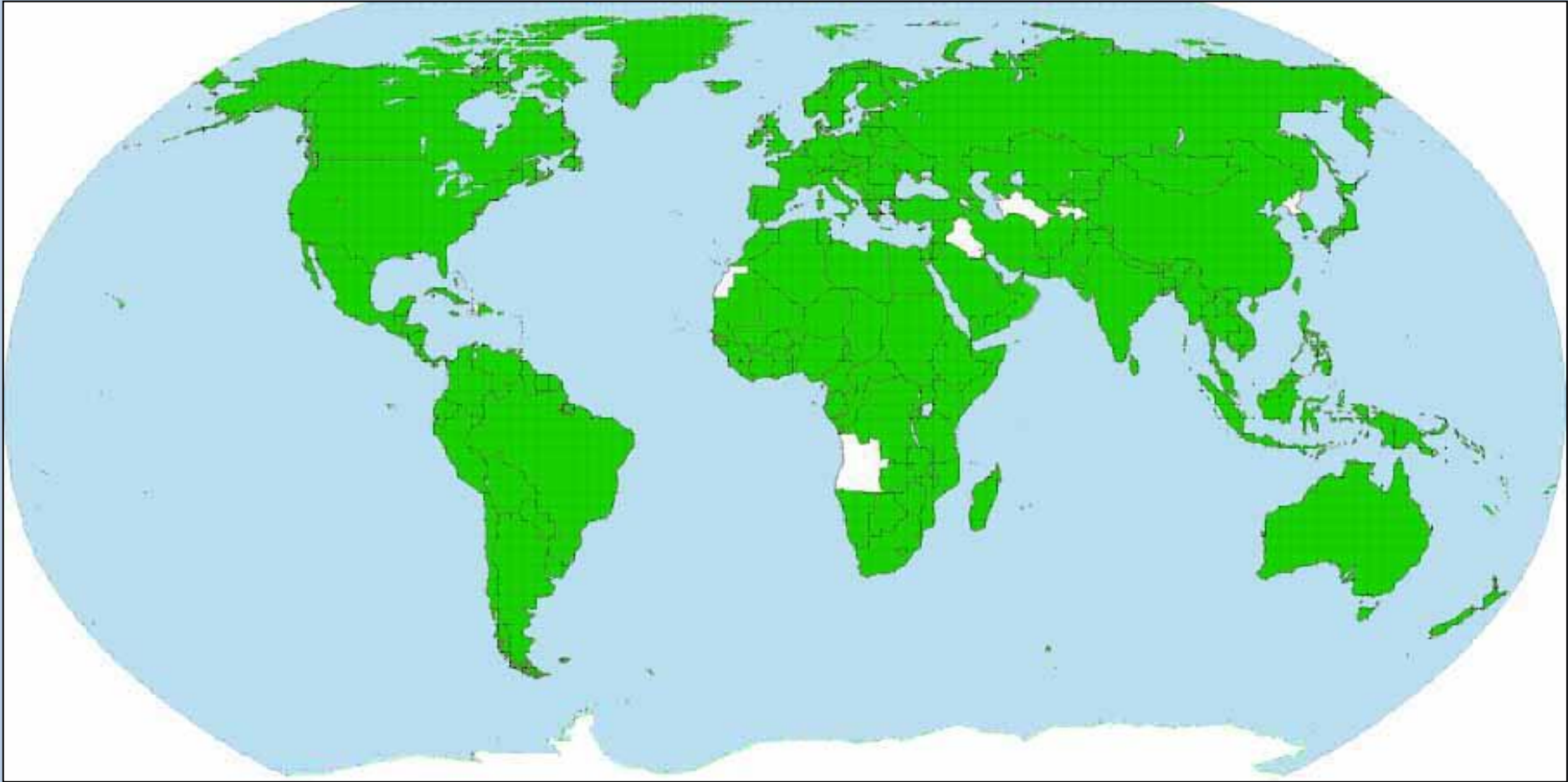
# Convention on International Trade in Endangered Species of Wild Fauna and Flora



**Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (ký tại Washington D.C., năm 1973)**

**Nhằm bảo đảm rằng việc buôn bán quốc tế không đe dọa đến sự tồn tại của các loài động vật, thực vật hoang dã đang được quan tâm bảo tồn.**

Hiện có 181 nước và tổ chức thành viên (EU)



■ Nước thành viên (các bên)    □ Không phải thành viên

Việt Nam là thành viên thứ 121 của Công ước CITES, chính thức từ 20/4/1994

# CITES hoạt động thế nào ?

CITES quản lý việc buôn bán quốc tế bằng cách đưa các loài vào các Phụ lục:

Hơn 34,000 loài động, thực vật được CITES điều chỉnh

Những loài hoặc nhóm loài được liệt kê trong CITES chỉ xuất hiện ở một trong ba Phụ lục.

# Các Phụ lục CITES

Phụ lục I	Phụ lục II	Phụ lục III
Những loài <b><u>đang bị đe dọa tuyệt chủng</u></b>	Những loài <b><u>có thể bị đe dọa tuyệt chủng nếu buôn bán không được kiểm soát</u></b> và những loài <b><u>“trông giống”</u></b> loài thuộc Phụ lục II	Một nước có thể yêu cầu các nước thành viên khác giúp đỡ bảo vệ một loài của mình bằng cách đưa chúng vào Phụ lục III
<b>Cấm buôn bán thương mại quốc tế</b>	<b>Cho phép buôn bán quốc tế nhưng được kiểm soát</b>	<b>Cho phép buôn bán quốc tế nhưng được kiểm soát</b>
Gần 530 loài động vật và 300 loài TV	Hơn 4.400 loài động vật và 28.000 loài thực vật	Khoảng 160 loài động vật và 10 loài thực vật



# Danh sách Linh trưởng ở Việt Nam

Common name – Tên thông thường	Scientific name – Tên khoa học	CITES	Decree 32/2006	Decree 160/2013
<b>Lorises – Cu li</b>				
Pygmy loris – Cu li nhỏ	<i>Nycticebus pygmaeus</i>	I	I B	X
Slow loris – Cu li lớn	<i>Nycticebus bengalensis</i>	I	I B	X
<b>Macaques – Khỉ</b>				
Stump-tailed macaque – Khỉ mặt đỏ	<i>Macaca arctoides</i>	II	II B	
Assamese macaque – Khỉ mốc	<i>Macaca assamensis</i>	II	II B	
Rhesus macaque – Khỉ vàng	<i>Macaca mulatta</i>	II	II B	
Long-tailed macaque – Khỉ đuôi dài	<i>Macaca fascicularis</i>	II	II B	
Northern pig-tailed macaque – Khỉ đuôi lợn	<i>Macaca leonina</i>	II	II B	

<b>Langurs – Voọc</b>				
Delacour's langur - Voọc quần đùi trắng	<i>Trachypithecus delacouri</i>	II	I B	X
Golden-headed langur - Voọc Cát Bà	<i>Trachypithecus poliocephalus</i>	II	I B	X
Indochinese silvered langur - Voọc bạc	<i>Trachypithecus germaini</i>	II	I B	X
Annamese silvered langur - Voọc bạc Trường Sơn	<i>Trachypithecus margarita</i>	Previously listed under Indochinese silvered langur		
Grey langur - Voọc xám	<i>Trachypithecus crepusculus</i>	II	I B	X
Francois' langur – Voọc đen má trắng	<i>Trachypithecus francoisi</i>	II	I B	X
Black langur - Voọc đen tuyền	<i>Trachypithecus ebonus</i>	II	As <i>Trachypithecus francoisi</i>	
Hatinh langur - Voọc Hà Tĩnh	<i>Trachypithecus hatinhensis</i>	II	I B	X
<b>Douc langurs – Chà vá</b>				
Black-shanked douc langur – Chà vá chân đen	<i>Pygathrix nigripes</i>	I	I B	X
Grey-shanked douc langur – Chà vá chân xám	<i>Pygathrix cinerea</i>	I	I B	X
Red-shanked douc langur – Chà vá chân nâu	<i>Pygathrix nemaeus</i>	I	I B	X



<b>Snub-nosed monkeys – Voọc mũi hếch</b>				
Tonkin snub-nosed monkey - Voọc mũi hếch	<i>Rhinopithecus avunculus</i>	I	I B	X
<b>Gibbons – Vượn</b>				
Western black crested gibbon – Vượn đen tuyền (Tây Bắc)	<i>Nomascus concolor</i>	I	I B	X
Eastern black crested gibbon – Vượn đen Cao Bằng (Đông Bắc)	<i>Nomascus nasutus</i>	I	I B	X
Yellow-cheeked gibbon – Vượn đen má hung	<i>Nomascus gabriellae</i>	I	I B	X
Northern white-cheeked gibbon – Vượn đen má trắng	<i>Nomascus leucogenys</i>	I	I B	X
Southern white -cheeked gibbon – Vượn đen má trắng Siki	<i>Nomascus siki</i>	I	As above	

# CITES hoạt động thế nào ?

## Yêu cầu Giấy phép, Chứng chỉ CITES

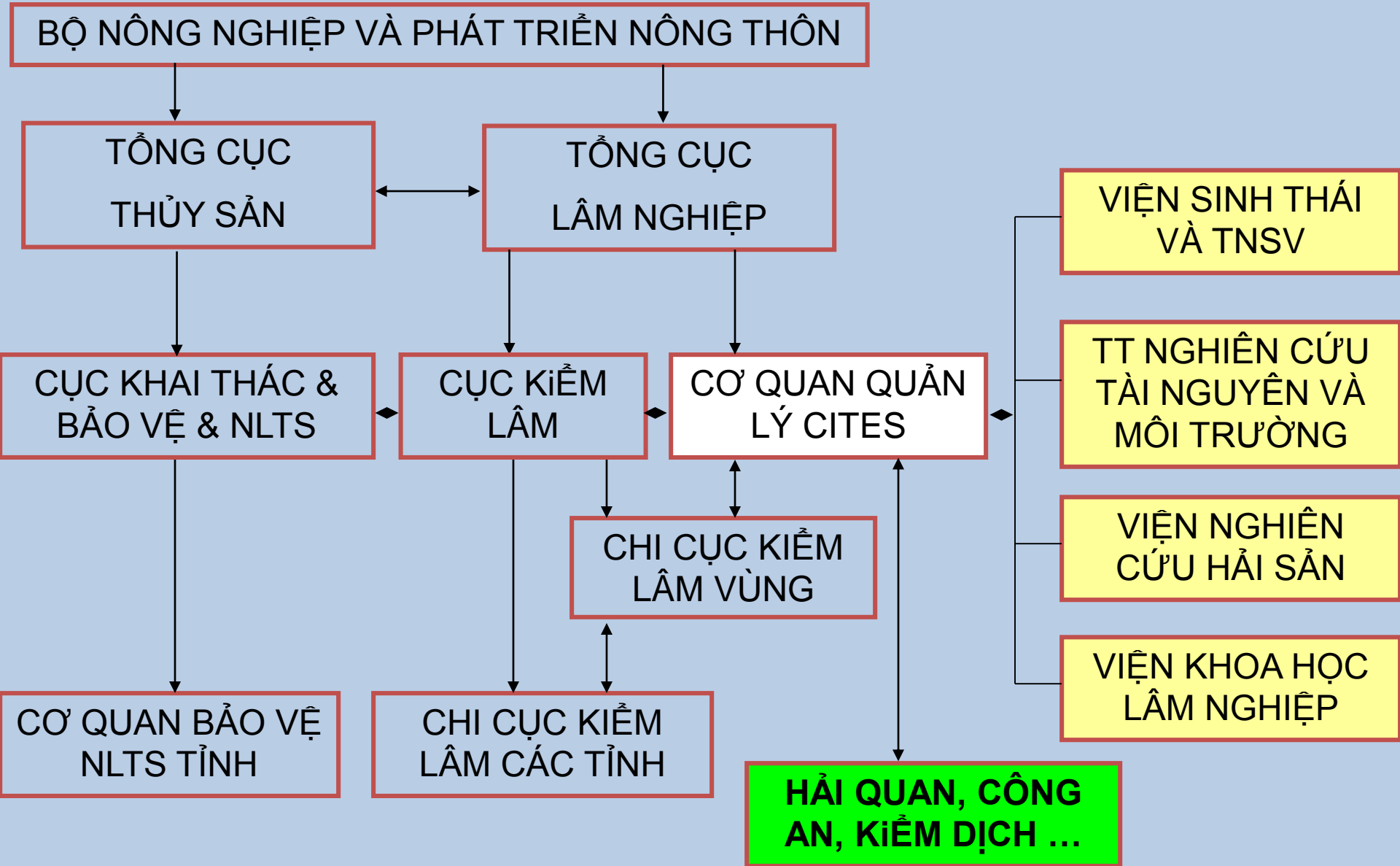
<b>Phụ lục</b>	<b>Giấy phép, chứng chỉ CITES kèm theo mẫu vật</b>
<b>I</b>	<b>2 loại chứng từ:</b> Giấy phép nhập khẩu và Giấy phép xuất khẩu hoặc Chứng chỉ tái xuất khẩu
<b>II</b>	<b>1 loại chứng từ:</b> Giấy phép xuất khẩu hoặc Chứng chỉ tái xuất khẩu
<b>III</b>	<b>1 loại chứng từ:</b> Giấy phép xuất khẩu của nước đã đưa loài đó vào Phụ lục III hoặc Chứng chỉ về nguồn gốc của nước thành viên khác


# Điều kiện và Yêu cầu Giấy phép, Chứng chỉ CITES

## (chi tiết tại Chương II - NĐ 82/2006/NĐ-CP)

Phụ lục CITES	Nghị định 82/2006/NĐ-CP			
	Nhập khẩu	Xuất khẩu	Tái xuất khẩu	Nhập nội từ biển
<b>I</b>	- Cấm các hoạt động trên vì mục đích thương mại. - Không vì mục đích thương mại:			
	Giấy phép	Giấy phép - nuôi sinh sản: $\geq$ <b>F2</b>	Giấy phép	Giấy phép
<b>II</b>	Giấy phép	Giấy phép - nuôi sinh sản: $\geq$ <b>F1</b>	Giấy phép	Giấy phép
<b>III</b>	Giấy phép, Chứng chỉ	Giấy phép, Chứng chỉ	Giấy phép	
<b>Mẫu vật nguy cấp, quý hiếm không quy định tại các Phụ lục CITES</b>		- Cấm xuất khẩu các loài IB, IIB và IA vì mục đích thương mại - Không vì mục đích thương mại, phải có <b>Giấy phép</b> theo quy định, trừ sản phẩm gỗ (thực hiện theo NĐ 12/2006/NĐ-CP ngày 23/01/2006*)		
Mẫu vật không quy định như trên đây		<b>Cấp Giấy phép khi có yêu cầu, phù hợp với quy định của nước nhập khẩu</b>		

# Cơ quan thẩm quyền CITES và các cơ quan thực thi CITES





**Cảm ơn Quý vị đã lắng nghe !**

*Photo By PauTang*